

Số: 15/2021/QĐST-HNGĐ

Yên Khánh, ngày 04 tháng 03 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn H – Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm R, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị T – Sinh năm 1997.

Địa chỉ: Xóm R, xã Khánh H, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 55 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị T

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung (riêng): Giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2016 và cháu Phạm Minh K, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2019 cho chị Phạm Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Phạm Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho chị Phạm Thị T hàng tháng với mức là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) cho mỗi cháu mỗi tháng, kể từ tháng 3 năm 2021

cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và anh Phạm Văn H có quyền đi lại thăm nom con chung.

Anh H và chị T không ai có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày chị Phạm Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Phạm Văn H không thi hành hết khoản tiền trên thì anh Phạm Văn H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị T thống nhất đề tự thỏa thuận phân chia tài sản, do vậy ly hôn anh H, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Anh Phạm Văn H nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí thuận tình ly hôn sơ thẩm và nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002317 ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh H.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Nhật Trung